TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2025
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bỉnh Quyền
Ông Bùi Khắc Dương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Binh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:**
Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HDGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Anh Lê T, sinh năm 1983. Có mặt
Địa chỉ: Thôn K, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn*: Chị Lê Thị X, sinh năm 1996. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn Kim Tân 2, xã Hoằng Tiến, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn anh Phùng T thể hiện như sau:

Anh Phùng T và chị Lê Thị X tự nguyện kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2018. Sau khi cưới anh chị sống hòa thuận với nhau một thời gian đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Lê Thị X có làm đơn ly hôn với T tại Tòa án H, sau đó rút đơn về đoàn tụ nhưng thực tế vợ chồng không có tình cảm, không hòa giải được. Đến tháng 3/2024,

chị X lại làm đơn ly hôn T, Tòa án đã triệu tập hai lần nhưng chị X không đến nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án lần thứ hai. Nay T nhận thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng thêm được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho T được ly hôn với chị X.

Về con: Anh Phùng T và chị Lê Thị X có 02 con chung là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020, đều đang ở cùng T. T đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Anh Phùng T không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18/02/2025 của bị đơn là chị Lê Thị X thể hiện:

Chị X và anh Phùng T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 07/3/2018. Quá trình chung sống với nhau, anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay T đề nghị ly hôn, chị X thấy tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với T.

Về con: Chị Lê Thị X và anh Phùng T có 02 con chung là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020, đều đang ở cùng T. Nếu T muốn nuôi cả hai con, chị X đồng ý. Về cấp dưỡng: Chị X và T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của mẹ chị Lê Thị X là bà Lê Thị Nh tại Biên bản ghi lời khai ngày 10/02/2025 thể hiện:

Chị Lê Thị X là con ruột tôi. Chị X và T kết hôn theo quy định của pháp luật. chị X và T có 02 con là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020. Chị X đi làm ăn xa, bà Nh không biết địa chỉ cụ thể. Nay T đề nghị ly hôn chị X là việc của T, bà Nh không liên quan, còn việc T bỏ chị X là việc của T.

Bà Nh xác nhận lời khai của mình nhưng không ký vào biên bản ghi lời khai.

Tại biên bản xác minh ngày 10/02/2025 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa thể hiện:

Anh Phùng T và chị Lê Thị X có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/3/2018. Sau khi kết hôn, T và chị X sống tại xã Ph và có 02 co chung là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020. Tại địa phương, sau khi cưới, T và chị X chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, cho đến thời gian gần dây thì anh chị có xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị X bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Hoằng Tiến ở, còn cụ thể mâu thuẫn như thế nào và nguyên nhân

mâu thuẫn vợ chồng anh chị địa phương không nắm được. Nay T làm đơn xin ly hôn chị X và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phùng T, xử cho anh Phùng T được ly hôn chị Lê Thị X. Về con: đề nghị công nhận T và chị X có 02 con chung là là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020. Đề nghị giao cả hai cháu cho T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: T và chị X đề nghị không giải quyết nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về tài sản và công nợ: T và chị X không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc anh Phùng T chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Phùng T không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không có mặt để thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xác minh về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp giữa anh Phùng T và chị Lê Thị X theo quy định tại khoản 3 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 25/02/2025, bị đơn chị Lê Thị X vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là chị Lê Thị X vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Phùng T và chị Lê Thị X tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 07/3/2018 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và

đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị X cũng đã nhiều lần làm đơn ly hôn gửi đến Tòa án, đều đã đình chỉ, nhưng anh chị vẫn không hòa giải được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị X. Chị Lê Thị X thể hiện nguyện vọng tại bản tự khai là thống nhất ly hôn nhưng tại phiên tòa vắng mặt chị X nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa T và chị X. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng T là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[3] Về con: Anh Phùng T và chị Lê Thị X cùng thống nhất anh chị có 02 con chung là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020 nên công nhận hai cháu Phùng Bình A và Phùng Đức T là con chung của T và chị X. T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai cháu, hai cháu đang ở với T, chị X cũng thống nhất. Vì vậy, giao cháu Phùng Bình A và Phùng Đức T cho anh Phùng T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng: Anh Phùng T và chị Lê Thị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ: Anh Phùng T và chị Lê Thị X không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là anh Phùng T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Phùng T được ly hôn với chị Lê Thị X.

Về con: Công nhận anh Phùng T và chị Lê Thị X có 02 con chung là cháu Phùng Bình A, sinh ngày 10/8/2018 và cháu Phùng Đức T, sinh ngày 09/7/2020. Giao cả hai cháu Phùng Bình A và Phùng Đức T cho anh Phùng T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Lê Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Lê Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu chị Lê Thị X lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Phùng T thì T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị X.

Về án phí: Buộc anh Phùng T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu số 0004122 ngày 13/01/2025 (Anh Phùng T đã nộp đủ).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Anh Phùng T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Lê Thị X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã H. Quang, Tp. Thanh Hóa;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bỉnh Quyền **Nguyễn Hoành Đại** **Lê Thị Ngọc Tú**

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã H. Quang, Tp. Thanh Hóa;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Ngọc Tú